

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 08/01/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P5+P3+BK15	7:25	22+0+0	0+0+0		15+0+7	0+0+0	CHUYỂN 1 P5-P3
2		TD2+TD5+P5	7:25	7+13+2	0+0+0		1+17+4	0+0+0	
3		TD2+TTC1+P4	7:25	17+4+1	0+0+0		12+0+10	0+0+0	
4		RP3+RP2+TD2	9:25	0+0+16	0+0+0		4+0+18	0+0+0	CHUYỂN 2 RP3-RP2
5		P8+TTC3+TD3	9:25	5+0+17	0+0+0		0+0+20	0+0+0	CHUYỂN 1 P8-TTC3
6		TD2+VSP02+TD5	9:25	14+0+7	0+0+0		10+3+6	0+0+0	
7		MRRM	12:25	13	0		13	0	check in 12.00
8		MRRM	13:00	15	0		10	0	check in 12.00

TTDBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:35
FLIGHT: 1	TO: P5 - P3 - BK15	CREW: MTHẮNG - VTHU - thông	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG THANH TÙNG	P5	72	1	5		73	DIEUHAN	Vietnamese
2	VANEEV DMITRY	P5	71	1	8		102	KHOAN	Russian
3	SOCHIVES I.M	P5	100	1	7		105	KHOAN	Russian
4	CHEPKO V.V	P5	99	1	5		85	KHOAN	Russian
5	SVALOV E.V	P5	5000	1	10		95	KHOAN	Russian
6	LUU TRUONG GIANG	P5	58	1	5		70	APAVE	Vietnamese
7	NGUYEN VAN XUAN	P5	62-63	2	18		60	KHOAN	Vietnamese
8	VU CAO BANG	P5	61	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN ĐỨC DỤC	P5	64	1	8	35	59	KHOAN	Vietnamese
10	HUYNH NGOC BINH*PK-PVD	P5	65	1	3		77	KHOAN	Vietnamese
11	VU VAN HOA	P5	68	1	4		58	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN VAN NGAN	P5	98	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
13	PHAM XUAN HUY	P5	66	1	3		63	KHOAN	Vietnamese
14	NG DINH CUONG*TD-PVDT	P5	67	1	4		69	KHOAN	Vietnamese
15	LE HUU HUNG	P5	69	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
16	HA KHUONG DUY	P5	75,96	2	15		58	KHOAN	Vietnamese
17	LUU DINH MINH	P5	97	1	13		62	KHOAN	Vietnamese
18	VU TRUNG KIEN	P5	60	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
19	ARKHIPOV	P5	59	1	10		100	ANTOAN	Russian
20	ALEKSANDR KRAVTSOV	P5	73-74	2	18		75	DVL	Russian
21	ĐOÀN MINH HUƠNG	P5	072	1	5		67	DVL	Vietnamese
22	NGUYEN HAI DANG	P5	70	1	15		85	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	22	25	185	1.660	35	15	1	CHUYEN 01 PAX TU P5 SANG P3
2	P3	0	0	0	0	20	0		
3	BK15	0	0	0	0	35	7		
TOTAL		22	25	185	1.660	90	22		
WEIGHT KG				185	1.660	90			

GRAND TOAL: 1.935 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	TO: TD2 - TD5 - P5	CREW: Khang - MTHAO - Năm	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HẢI	TD2	71	1	5	20	75	KHOAN	Vietnamese
2	KROKHALEV MIKHAIL	TD2	73	1	4		85	KHOAN	Russian
3	ĐO XUAN VANG*TT	TD2					76	KHOAN	Vietnamese
4	ĐẶNG VĂN ĐẠO	TD2	69	1	10	21	61	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ QUỐC TOÀN	TD2	68	1	2		57	KHOAN	Vietnamese
6	BUI NGOC DUNG	TD2	74	1	2		78	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH ANH	TD2	72	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
8	ALEKSANDEROV A.A	TD5	65	1	5	16	88	KHOAN	Russian
9	GONCHAROV S.A	TD5	66	1	6		98	KHOAN	Russian
10	NGUYỄN DUY TÂM	TD5	57	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN TÂN VINH	TD5	67-68	2	12		81	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN BÌNH	TD5	61	1	2		65	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ THANH TUNG*PK-PVD	TD5	97	1	10		85	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN THANH	TD5	58	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	TD5	59	1	5	20	75	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN TRƯỞNG THIÊN	TD5	64	1	2		79	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN HIỆN	TD5	63	1	3		61	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU ĐẠT*TN-PVD	TD5	98-99	2	12		90	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN THUỘNG VŨ	TD5	62	1	10		88	KHOAN	Vietnamese
20	MAI ĐẠI HAI	TD5	300	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
21	PHẠM VĂN CƯỜNG	P5	28,82	2	17	60	87	DVL	Vietnamese
22	PHẠM MINH TOÀN	P5	400	1	8		60	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	7	6	27	502	41	1		
2	TD5	13	15	82	1.003	36	17		
3	P5	2	3	25	147	60	4		
TOTAL		22	24	134	1.652	137	22		
WEIGHT KG				134	1.652	137			

GRAND TOAL: 1.923 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: TD2 - TTC1 - P4	CREW: Hôi - MTuấn - DTùng	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NG QUỐC ĐOÀN*PK-PVD	TD2	13	1	11		55	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH TUYỀN	TD2	03	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
3	PHAN MẠNH CUÔNG	TD2	16	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
4	NGÔ VĂN HUY	TD2	01	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM THANH GIANG	TD2	08	1	4		71	KHOAN	Vietnamese
6	VŨ XUÂN TRƯỜNG	TD2	02	1	2		65	KHOAN	Vietnamese
7	VÔ SĨ HOÀI THANH	TD2	11	1	12		61	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ ĐỨC THỌ	TD2	05	1	2		76	KHOAN	Vietnamese
9	BUI THỌ DƯƠNG	TD2	06	1	10	12	65	KHOAN	Vietnamese
10	PHAN VĂN DIỆP	TD2					82	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN KHẮC HÀ TRUNG	TD2	15	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
12	TRỊNH QUỐC KHÁNH	TD2	14	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
13	ĐINH DUY HAI	TD2	17	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN XUÂN UYÊN	TD2	04	1	4		64	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	TD2	12	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
16	ĐỖ VĂN TIẾN*MC-PVD	TD2	09-10	2	10		52	KHOAN	Vietnamese
17	ĐINH VĂN HUÂN	TD2	07	1	4		79	KHOAN	Vietnamese
18	YUKHIMCHUK A	TTC1	400	1	8	50	85	KH-THAC	Russian
19	VŨ ĐỨC SANG	TTC1	61	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐỖ VĂN HIỂU	TTC1	98	1	8	52	75	KH-THAC	Vietnamese
21	N. KHẮC THANH CHUNG	TTC1	99	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐỖ MẠNH DŨNG	P4	80-82	3	17	35	53	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	17	17	94	1.191	12	12		
2	TTC1	4	4	33	298	102	0		
3	P4	1	3	17	53	35	10		
TOTAL		22	24	144	1.542	149	22		
WEIGHT KG				144	1.542	149			

GRAND TOAL: 1.835 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:35
FLIGHT: 4	TO: RP3 - RP2 - TD2	CREW: MTHẮNG - VTHU - thông	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU VAN THUY	TD2	85	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
2	VU VAN DOAI	TD2	83	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
3	LE VINH THUAT	TD2	77	1	3		82	KHOAN	Vietnamese
4	TRAN QUOC VIET-CAM-PVDT	TD2	79	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
5	LE VAN NAM	TD2					70	KHOAN	Vietnamese
6	LE LONG	TD2	87	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN TRUONG	TD2	93	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN NGOC THACH	TD2	78	1	3		60	D-HANH	Vietnamese
9	NGUYEN CONG CHIEN	TD2	89	1	3	25	84	CODIEN	Vietnamese
10	LE XUAN TUNG	TD2	81	1	8	70	67	ANTOAN	Vietnamese
11	TONG TIEN QUANG	TD2	82	1	17		75	DVL	Vietnamese
12	TRAN QUOC HUONG	TD2	84	1	14		100	DVL	Vietnamese
13	NGUYEN SY TUAN	TD2	94	1	13		72	DVL	Vietnamese
14	TRAN VAN MANH	TD2	86	1	8		67	DVL	Vietnamese
15	NGUYEN NGOC SON	TD2	80	1	18		68	DVL	Vietnamese
16	DO VAN THAI	TD2	88	1	10		70	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	0	0	0	0	36	4 + 2		CHUYEN 2 PAX RP3 SANG RP2
2	RP2	0	0	0	0	0	0		
3	TD2	16	15	121	1.182	95	18		
TOTAL		16	15	121	1.182	131	22		
WEIGHT KG				121	1.182	131			

GRAND TOAL: 1.434 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 5	TO: P8 - TTC3 - TD3	CREW: Khang - MTHAO - Năm	ETA: 11:10
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ZHUCK	P8	35	1	15	50	115	KH-THAC	Russian
2	HỒ NGỌC BÉN	P8	33	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN ĐỨC SƠN	P8	34	1	11		71	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN QUỐC KHÔI	P8	36	1	11		68	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI XUÂN TRƯỜNG	P8	37	1	8		61	KH-THAC	Vietnamese
6	VUONG QUOC VIET	TTC3	66,87	2	15		65	COKHI	Vietnamese
7	ĐẶNG VĂN HÂN	TD3	24	1	4	60	65	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN NAM CUÔNG	TD3	31-32	2	18		75	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN TRUNG	TD3	26	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM VĂN HIẾU	TD3	34	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ ANH XUÂN	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
12	HOÀNG VĂN THƯỜNG	TD3	36	1	5	20	71	KHOAN	Vietnamese
13	VŨ HÙNG ANH	TD3	22	1	4		77	KHOAN	Vietnamese
14	BUI HUU VŨNG	TD3	23	1	7		88	KHOAN	Vietnamese
15	ĐOÀN QUANG BẠC	TD3	30	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
16	CHU VĂN THẮNG	TD3	25	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
17	LƯU VĂN SƠN	TD3	37	1	6		62	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN PHI HÙNG	TD3	33	1	4		81	KHOAN	Vietnamese
19	PHAN HAI NAM	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
20	TRẦN LÊ KIẾN	TD3	29	1	2		75	KHOAN	Vietnamese
21	PHẠM THẾ TÂM	TD3	27-28	2	11		79	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN LÂM GIANG	TD3	35	1	6		75	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	5	5	55	389	50	0	1	CHUYEN 1 PAX P8 SANG TTC3
2	TTC3	1	2	15	65	0	0		
3	TD3	16	16	84	1.169	80	20		
TOTAL		22	23	154	1.623	130	20		
WEIGHT KG				154	1.623	130			

GRAND TOAL: 1.907 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT: 6	TO: TD2 - VSP02 - TD5	CREW: Hôi - MTuấn - DTùng	ETA: 11:20
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐÀO VĂN YÊN	TD2	24	1	10		62	DVL	Vietnamese
2	LY NHẬT TRƯỞNG	TD2	31	1	14		75	DVL	Vietnamese
3	PHẠM VĂN TUÔNG	TD2	33	1	8		78	DVL	Vietnamese
4	TÀNG TIẾN TOÀN	TD2	20	1	10		83	DVL	Vietnamese
5	PHẠM HẢI LONG	TD2	29-30	2	15		76	DVL	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐUNG	TD2	32	1	15		60	DVL	Vietnamese
7	PHẠM VĂN ĐAM	TD2	19	1	5		70	DVL	Vietnamese
8	ĐẶNG VĂN CHUNG	TD2	21-22	2	20		70	DVL	Vietnamese
9	VŨ THANH DƯƠNG	TD2	23	1	15	18	70	DVL	Vietnamese
10	HOÀNG MẠNH HÙNG	TD2	28	1	8		83	GETRACO	Vietnamese
11	BUI VĂN THẮNG	TD2	34	1	5		72	GETRACO	Vietnamese
12	TRẦN HỮU THƯỜNG	TD2	27	1	13		80	GETRACO	Vietnamese
13	PHẠM HỮU MINH	TD2	26	1	5		58	GETRACO	Vietnamese
14	VŨ VIỆT SƠN	TD2	25	1	6		58	GETRACO	Vietnamese
15	TRẦN DUY ĐỨC	TD5					75	KHOAN	Vietnamese
16	GIMLEKHANOV RUSLAN	TD5	70	1	5		80	KHOAN	Russian
17	TRỊNH ĐẶC MINH	TD5	71	1	4		73	KHOAN	Vietnamese
18	LÊ TRUNG SƠN	TD5	75	1	8		73	D-HANH	Vietnamese
19	NGUYỄN MẠNH TRƯỞNG	TD5	76	1	10		78	DVL	Vietnamese
20	NGUYỄN HOÀNG LONG	TD5	72-74	3	20		65	DVL	Vietnamese
21	PHẠM VĂN BẢO	TD5	82	1	4	95	70	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	14	16	149	995	18	10		
2	VSP02	0	0	0	0	0	3		
3	TD5	7	8	51	514	95	6		
TOTAL		21	24	200	1.509	113	19		
WEIGHT KG				200	1.509	113			

GRAND TOAL: 1.822 KGS

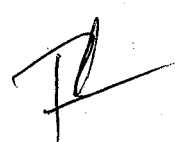
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 614	ETD: 11:45
FLIGHT: 7	TO: MRM	CREW: HHai - <i>Thanh</i>	ETA: 15:00
NAU-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ARUSHANOV SERGEI	MRM	66	1	13		100	KHOAN	Russian
2	BLOKHINOV ALEXEY	MRM	67	1	8		105	KHOAN	Russian
3	KOTIKOV ALEXEY	MRM	63	1	4		98	KHOAN	Russian
4	MIKOLAYCHUK VLADIMIR	MRM	68	1	10		105	KHOAN	Russian
5	TSVETKOV OLEG	MRM	65	1	10		110	KHOAN	Russian
6	SOKOLOV KONSTANTIN	MRM	60	1	5		93	KHOAN	Russian
7	STEPANOV OLEG	MRM	61	1	5		104	KHOAN	Russian
8	ILMENTEV ANDREI	MRM	59	1	10		53	KHOAN	Russian
9	CHERNYKH PETR	MRM	71	1	10		90	KHOAN	Russian
10	KOCHEROV VALERII	MRM	64	1	5		84	KHOAN	Russian
11	MAISHEV VLADIMIR	MRM	69	1	10		98	KHOAN	Russian
12	KARAVKA ANTON	MRM	70	1	10		91	KHOAN	Russian
13	ZABRODIN PETR	MRM	62	1	10		90	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	13	13	110	1.221	0	13		
	TOTAL	13	13	110	1.221	0	13		
	WEIGHT KG			110	1.221	0			

GRAND TOAL: 1.331 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 620	ETD: 13:00
FLIGHT: 8	TO: MRM	CREW: Hoài - TRƯỜNG	ETA: 16:15
TRANG			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KOTOV ALEKSEI	MRM	80	1	7		95	KHOAN	Russian
2	OGANIAN GRIGORII	MRM	89	1	12		85	KHOAN	Russian
3	ĐẬU MINH A	MRM	76-77	2	15		70	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN NGỌC PHƯƠNG	MRM	78-79	2	17		68	KHOAN	Vietnamese
5	STEPANYAN TIGRAN	MRM	92-93	2	12		70	KHOAN	Russian
6	ALEXANDER POPOV	MRM	75	1	5		86	KHOAN	Russian
7	CHAU PHAM MINH NHAT	MRM	81	1	10	3	85	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN QUỐC CƯỜNG	MRM	74	1	4		84	KHOAN	Vietnamese
9	HOANG MINH DUNG	MRM	83-84	2	18		80	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN QUANG HAI	MRM	85-86	2	10		77	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN XUAN NAM	MRM	72-73	2	15		65	KHOAN	Vietnamese
12	BUI TRONG TOAN	MRM	87-88	2	16		72	KHOAN	Vietnamese
13	HA THANH NAM	MRM	94-95	2	15		70	KHOAN	Vietnamese
14	LE HUU NAM	MRM	82	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
15	KARIMOV TAGIR G.	MRM	90-91	2	9		90	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	15	24	173	1.167	03	10		
TOTAL		15	24	173	1.167	03	10		
WEIGHT KG				173	1.167	03			

GRAND TOAL: 1.340 KGS + 3Kg

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 09/01/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP3+RP2	7:25	22+0	0+0		17+5	0+0	
2		RC4+TD3+RC3	7:25	3+15+4	0+0+0		2+13+7	0+0+0	
3		TD5+VSP01	7:25	21+1	0+0		12+10	0+0	
4		TTC2+BK4+JS2	7:25	1+2+19	0+0+0		0+0+22	0+0+0	
5		RC6+RP1	9:25	1+6+15	0+0+0		0+5+17	0+0+0	
6		BK14-CLO-RP2	9:25	1+1+20	0+0+0		0+0+22	0+0+0	
7		JS2+RCDM	9:25	15+7	0+0		5+17	0+0	
8		TD3+PPD+RP3	9:25	6+2+14	0+0+0		0+4+18	0+0+0	CHUYEN 4 PAX PPD-RP3
9		T.UNG	11:25	19	0		14	0	
10		RC4+JS2+RC3	11:25	6+4+7	0+0+0		7+2+13	0+0+0	
11		RC5+TD5+TD3	11:25	11+7+4	0+0+0		7+9+6	0+0+0	CHUYEN 2 TD5 TD3
12		RP1+RP2	11:25	9+13	0+0		8+14	0+0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ ĐI VỀ TRONG NGÀY RP3-2NG, RC4-2NG, RC3-4NG, TD5-1NG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 1	TO: RP3 - RP2	CREW: MTHẮNG - VTHU - thông	ETA: 09:30
TRANG-1A			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRÍ CHUNG	RP3	95	1	4		52	KH-THAC	Vietnamese
2	VÕ HỒ HAI	RP3	98	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN ANH ĐÔNG	RP3	99,300	2	8		80	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỖ QUANG TÔ	RP3	88	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
5	DƯƠNG CHUNG THUY	RP3	94	1	9	40	65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ANH PHONG	RP3					75	KHI	Vietnamese
7	LẠI THỊ HỒNG THU	RP3				21	52	KHI	Vietnamese
8	VŨ HỒNG TUYẾN	RP3	87	1	10		78	KHI	Vietnamese
9	TRẦN HAI HA *TT	RP3	40	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐÀO VIỆT HAI	RP3	41	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN SỸ ĐIẾP	RP3	92-93	2	12		78	KH-THAC	Vietnamese
12	DU TRẦN HÙNG	RP3	46	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG HAI HA	RP3	96	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM VĂN ĐÔNG	RP3	39	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN QUY HẢI	RP3	43	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM DUY NHIÊN	RP3	42	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM QUỐC CHẾ	RP3	90	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
18	HOÀNG VĂN HỒI	RP3	97	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ CÔNG HÙNG	RP3	91	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN HỮU MẬU	RP3	45	1	5	33	66	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN VĂN TIẾN	RP3	44	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN TÂN TRỌNG	RP3	89	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	22	22	128	1.513	94	17		
2	RP2	0	0	0	0	20	5		
TOTAL		22	22	128	1.513	114	22		
WEIGHT KG				128	1.513	114			

GRAND TOAL: 1.755 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	TO: RC4 - TD3 - RC3	CREW: Hạnh - Dương - Vũ	ETA: 09:10
xanh-1			

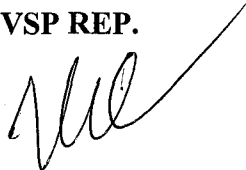
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN THANH NAM	RC4					63	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN VĂN THANH	RC4				70	65	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN QUANG BÌNH	RC4	33	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
4	KARPUNIN A.V	TD3	55	1	12		90	KHOAN	Russian
5	FILIPPOV NIKOLAY	TD3					75	KHOAN	Russian
6	NGUYỄN NGÔ HOÀN	TD3	50	1	5		65	YTE	Vietnamese
7	PHAN HOANG LAM	TD3	54	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ TRONG TUYẾN*TT	TD3	53	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
9	HOÀNG VĂN KHUÔNG	TD3				25	80	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐỨC THANH	TD3	45	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
11	ĐẶNG XUÂN LƯU	TD3					67	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ SỸ HÙNG	TD3	47	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH NHAN	TD3	48-49	2	10		71	KHOAN	Vietnamese
14	NG XUÂN TẠO-PVDT	TD3	56	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN VĂN ĐỨC*MC-PVD	TD3	46	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
16	VÕ HỒNG HAI*MC-PVD	TD3	51	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM HAI ĐẶNG	TD3	44	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
18	ĐINH VĂN ĐÔNG	TD3	52	1	5		60	DVL	Vietnamese
19	VŨ VĂN TOÀN	RC3				40	73	D-HANH	Vietnamese
20	NGUYỄN CẢNH TÂN	RC3					78	D-HANH	Vietnamese
21	NGUYỄN TIẾN DŨNG	RC3	95	1	5		67	NIPI	Vietnamese
22	TRẦN VĂN LINH	RC3					73	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

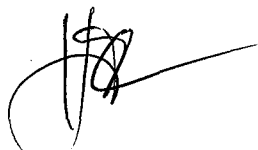
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC4	3	1	5	204	70	2		
2	TD3	15	13	72	1.058	25	13		
3	RC3	4	1	5	291	40	7		
TOTAL		22	15	82	1.553	135	22		
WEIGHT KG				82	1.553	135			

GRAND TOAL: 1.770 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	TO: TD5 - VSP01	CREW: Khang - Linh - DTùng	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LƯƠNG MINH PHỤNG*TT	TD5	90-91	2	15	45	60	KHOAN	Vietnamese
2	PHẠM THANH KIỆT	TD5	38	1	6		65	DVL	Vietnamese
3	LƯU VĂN PHONG	TD5					70	KHOAN	Vietnamese
4	BUI ĐÌNH PHÚC	TD5					70	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM VĂN HƯƠNG	TD5	93	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
6	ĐỖ VINH CƯỜNG	TD5	43	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN NGỌC LINH	TD5	97	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
8	NGÔ QUỐC BẢO	TD5	89	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN TẤT THÀNH	TD5	96	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
10	HỒ VĂN TIẾN	TD5	95	1	2		62	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN SỸ LỆ	TD5	87	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH CÔNG	TD5	88	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
13	BUI TÂN BÌNH	TD5	94	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN VĂN DIỆU	TD5	92	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
15	NG VĂN DŨNG*CAM-PVDT	TD5	86	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN DŨNG*MC-PVD	TD5	84-85	2	10		70	KHOAN	Vietnamese
17	VŨ HOANG TÂN	TD5	99-100	2	20		92	DVL	Vietnamese
18	NGUYỄN TUẤN ANH	TD5	98	1	17		63	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN ĐÔNG	TD5	39	1	15		70	DVL	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐỨC PHỤNG	TD5	40-41	2	20	18	62	DVL	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN TUẤN	TD5	83	1	9		76	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN HOANG LONG	VSP01	06-07	2	10	70	74	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

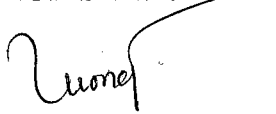
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	21	23	158	1.421	63	12		
2	VSP01	1	2	10	74	70	10		
TOTAL		22	25	168	1.495	133	22		
WEIGHT KG				168	1.495	133			

GRAND TOAL: 1.796 KGS

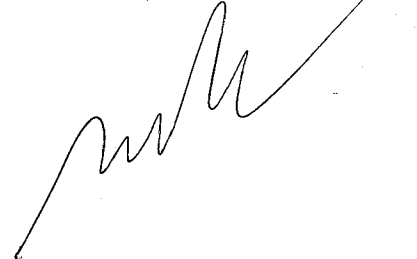
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 4	TO: TTC2 - BK4 - JS2	CREW: Vận - ĐNam - Huy	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VÕ NGỌC QUYNH	TTC2	80-81	2	9	40	62	CODIEN	Vietnamese
2	HOANG ĐÌNH HÒA	BK4	46-47	2	15		62	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN VAN BQ	BK4	45	1	15	30	68	XAYLAP	Vietnamese
4	KHALIMOV AIDAR	JS2	32	1	9		90	KH-THAC	Russian
5	NGUYEN NGOC LE	JS2	632	1	8		72	KHOAN	Vietnamese
6	CLIFFORD FERNANDES	JS2	62	1	15		86	KHOAN	Indian
7	GANGADHARAN MENON VINEETH	JS2	72-73	2	15		75	KHOAN	Indian
8	LYNDON TRINIDADE RAYMOND	JS2	71	1	12		72	KHOAN	Indian
9	BASSON HERMANUS J.SCHREUDER	JS2	69-70	2	15		121	KHOAN	S.African
10	VO TA MAU	JS2	06	1	10	20	68	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN CANH	JS2	28	1	10		68	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN VAN DUC	JS2	05	1	6		62	KHOAN	Vietnamese
13	DO VAN QUY	JS2	29	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN TIEN	JS2	07	1	8		62	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN DINH CHUNG	JS2	04	1	7		88	KHOAN	Vietnamese
16	QUACH VAN THANG	JS2	97	1	8		71	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN MANH HUNG	JS2	26	1	8		74	KHOAN	Vietnamese
18	HOANG QUOC VIET	JS2	03	1	8		73	KHOAN	Vietnamese
19	PHAM BA TAN	JS2	27	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN VAN UT	JS2	31	1	5		88	KHOAN	Vietnamese
21	VO VAN LINH	JS2	30	1	10		53	KHOAN	Vietnamese
22	PHAN XUAN PHU	JS2	96	1	5		61	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	1	2	9	62	40	0		
2	BK4	2	3	30	130	30	0		
3	JS2	19	21	169	1.417	20	22		
TOTAL		22	26	208	1.609	90	22		
WEIGHT KG				208	1.609	90			

GRAND TOAL: 1.907 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 5	TO: RC6 - RP1	CREW: MTHẮNG - VTHU - thông	ETA: 11:30
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN NGỌC HÀ	RC6	73	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TRUNG TIN	RC6	87-88	2	15		92	KH-THAC	Vietnamese
3	TU TUÂN TỬ	RC6	71-72	2	15	40	82	KH-THAC	Vietnamese
4	DƯƠNG NHẬT THANH	RC6	86	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VIỆT HÀ	RC6	69-70	2	15		76	PSV	Vietnamese
6	PHẠM TUÂN VIỆT	RC6	85	1	11		85	DK9	Vietnamese
7	LÊ HUY TÂM	RP1	42	1	4		57	KH-THAC	Vietnamese
8	ZAKHARIN SERGEY	RP1	47-48	2	11		107	KH-THAC	Russian
9	NGUYỄN THANH HAI	RP1	39	1	8		57	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI NGỌC LONG	RP1	40	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐỖ ĐỨC VƯỢNG	RP1	43	1	4	70	82	KH-THAC	Vietnamese
12	HUYNH MINH SANG	RP1	44	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
13	TRƯƠNG CÔNG THANH	RP1	45-46	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI MINH ĐƯƠNG	RP1	36	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG VŨ NHẬT VINH	RP1	49	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ TRI KHANH	RP1	31	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN NĂNG	RP1	33	1	10		79	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN BẢO TRUNG	RP1	37-38	2	12		69	KH-THAC	Vietnamese
19	HÀ QUỐC HOÀN	RP1	32	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN TRỌNG HIẾU	RP1	41	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN QUANG THÔNG	RP1					73	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VIỆT BANG	RP1	34-35	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC6	6	9	76	489	40	5		
2	RP1	16	19	118	1.176	70	17		
TOTAL		22	28	194	1.665	110	22		
WEIGHT KG				194	1.665	110			

GRAND TOAL: 1.969 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 6	TO: BK14 - CLO - RP2	CREW: Hạnh - Dương - Vũ	ETA: 11:10
cam-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN KIM THÀNH	BK14	30	1	4		70	NIPI	Vietnamese
2	FERDINAND A LIGADU	CLO	61-62	2	17		80	BH	Myanmar
3	TRẦN ĐỨC KHANG	RP2	14	1	8		82	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN HÙNG CUÔNG	RP2	11	1	3		82	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐÌNH XUÂN GIANG	RP2	12	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN DUY HUNG	RP2	15	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN DOÀN BÌNH	RP2	08-09	2	10		70	YTE	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN LIÊM	RP2	10	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐOÀN VĂN THIÊM	RP2	18-19	2	7	80	65	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ QUANG ANH HUNG	RP2	13	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
11	LƯU VĂN ĐIỀN	RP2	02	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ VĂN DŨNG	RP2	07	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐỖ ĐỨC CUÔNG	RP2					65	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN TÂN TÀI	RP2					67	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ LAM	RP2	03	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN QUANG VINH	RP2	04	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN ĐỨC TRƯỞNG	RP2	05	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN HAI	RP2	06	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN XUÂN SÁU	RP2	16	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
20	TARASENKO	RP2	17	1	10		75	KH-THAC	Russian
21	LÊ CHÍ CÔNG	RP2					90	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM TRUNG KIẾN	RP2					70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK14	1	1	4	70	0	0		
2	CLO	1	2	17	80	0	0		
3	RP2	20	18	98	1.395	80	22		
TOTAL		22	21	119	1.545	80	22		
WEIGHT KG				119	1.545	80			

GRAND TOAL: 1.744 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:35
FLIGHT: 7	TO: JS2 - RCDM	CREW: Khang - Linh - DTùng	ETA: 11:15
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU THE DUNG	JS2	704	1	8	20	62	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN THANH HUNG	JS2	10-11	2	15	8	82	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN HUNG CUONG	JS2	85-86	2	13		77	KHOAN	Vietnamese
4	TRAN TRONG ANH	JS2	05	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN CONG TAM	JS2	06	1	7		69	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN TU DO	JS2	04	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
7	PHAM HOANG DAT	JS2	07-08	2	14		76	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN HUU MAI	JS2	56,52	2	15		63	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VAN TIEN	JS2	705	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
10	DUONG TRUNG KIEN	JS2	84	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
11	BUI QUANG THUẬN	JS2	48	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI SY HIEU	JS2	51	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẬU HUY HOANG	JS2	60	1	5	15	70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN THANH LUÂN	JS2	49-50	2	10		52	KH-THAC	Vietnamese
15	VÔ HOANG CẨM	JS2	57	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ QUANG TUYẾN	RCDM	27	1	8	40	70	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM VĂN THUẬN	RCDM	28	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐẶNG VĂN THÀNH	RCDM	24	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN LẠ	RCDM	25	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN XUÂN THÀNH	RCDM	26	1	11		64	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM HUY ĐÌNH	RCDM	29-30	2	16	20	57	T-TIN	Vietnamese
22	VÔ VĂN THANH	RCDM	23	1	5		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	15	20	129	1.008	43	5		
2	RCDM	7	8	53	474	60	17		
TOTAL		22	28	182	1.482	103	22		
WEIGHT KG				182	1.482	103			

GRAND TOAL: 1.767 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT: 8	TO: TD3 - PPD - RP3	CREW: Vận - ĐNam - Huy	ETA: 11:20
vàng-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN XUÂN NGỌC	TD3	78	1	5		62	DVL	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN NAM (CN)	TD3	81	1	15		75	DVL	Vietnamese
3	PHAN QUY DUNG	TD3	74	1	14		65	XAYLAP	Vietnamese
4	LÊ BÍCH ANH	TD3	76-77	2	18	30	81	XAYLAP	Vietnamese
5	PHAN VĂN ĐƯƠNG	TD3	75	1	5		65	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN CÔNG DANH	TD3	79-80	2	8		65	XAYLAP	Vietnamese
7	VŨ ANH TUẤN	PPD	72	1	8		67	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐỨC MINH	PPD	73-74	2	18		63	CODIEN	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH BÌNH	RP3	21	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐINH QUANG THANH	RP3	32-33	2	10		73	KH-THAC	Vietnamese
11	CAO ĐỨC THANH	RP3	22	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
12	HUYNH TÂN NGON	RP3	24	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HIỀN	RP3	23	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ THANH LÂM	RP3	25	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ ANH MINH	RP3	17-18	2	15	42	75	THONGTH	Vietnamese
16	VŨ CHÍ KIẾN	RP3	19	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ TRỌNG LINH	RP3	20	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN DUY TIẾN	RP3	30-31	2	12		70	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN MẠNH HIỀN	RP3	29	1	10		78	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN TIẾN SỸ	RP3	35	1	10	25	76	XAYLAP	Vietnamese
21	DƯƠNG QUANG TRUNG	RP3	34	1	5		98	XAYLAP	Vietnamese
22	VŨ QUỐC VƯƠNG	RP3	26-28	3	15		75	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	6	8	65	413	30	0		CHUYEN 4 PAX PPD SANG RP3
2	PPD	2	3	26	130	0	4	9	
3	RP3	14	19	116	1.054	67	18		
TOTAL		22	30	207	1.597	97	22		
WEIGHT KG				207	1.597	97			

GRAND TOAL: 1.901 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 620	ETD: 11:00
FLIGHT: 9	TO: T.UNG	CREW: Khánh - TRƯỜNG	ETA: 14:10
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ZELENSKY	T.UNG	88	1	10		76	KH-THAC	Russian
2	NGUYỄN QUANG TUYẾN	T.UNG				30	62	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI TRỌNG SƠN	T.UNG	98	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN MINH TRI	T.UNG					72	KH-THAC	Vietnamese
5	KHÔNG THAI BÌNH	T.UNG					75	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM HỒNG SƠN	T.UNG	99,600	2	5		79	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN CHÍNH	T.UNG	92-94	3	11		62	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ TIẾN VINH	T.UNG	91	1	12		67	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ QUỐC TIẾN	T.UNG	599	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
10	KLY	T.UNG	16	1	5	60	67	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ QUANG THÔNG	T.UNG					71	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TRUNG HIỆU	T.UNG	89	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH NAM	T.UNG	598	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ DUY ĐỨC	T.UNG					62	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN CAO	T.UNG	95-96	2	15		67	CODIEN	Vietnamese
16	TRỊNH NGỌC TỬ	T.UNG	597	1	8		74	CODIEN	Vietnamese
17	ĐỖ VIỆT LONG	T.UNG	90	1	12		59	CODIEN	Vietnamese
18	LÊ HỮU TƯỜNG	T.UNG	97	1	6		58	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYỄN HỒNG QUAN	T.UNG	14-15	2	15		74	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	19	19	130	1.315	90	14		
	TOTAL	19	19	130	1.315	90	14		
	WEIGHT KG			130	1.315	90			

GRAND TOAL: 1.535 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:30
FLIGHT: 10	TO: RC4 - JS2 - RC3	CREW: Hạnh - Dương - Vũ	ETA: 13:10
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN HÂN	RC4	40	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN CÔNG HUNG	RC4	38	1	4		50	KH-THAC	Vietnamese
3	HUYNH MINH TRI	RC4	39	1	7		50	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ VĂN DUNG.	RC4	44	1	10		62	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH TÙNG	RC4	43	1	12	15	72	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN QUỐC VIỆT	RC4	41-42	2	7		55	PSV	Vietnamese
7	LUONG NGOC THANH	JS2	46	1	7		101	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ TRUNG TIEN	JS2	69	1	5		73	GETRACO	Vietnamese
9	TRINH VAN HAI	JS2	68	1	5	27	70	T-TIN	Vietnamese
10	CAO KINH THAO	JS2	70-71	2	20		71	T-TIN	Vietnamese
11	VŨ LÊ TRUNG	RC3	86	1	5	15	66	KH-THAC	Vietnamese
12	DƯƠNG MINH KHÁNH	RC3	85	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM THÈ MẠNH	RC3					77	KH-THAC	Vietnamese
14	NGO KHANH NAM	RC3	99	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM XUAN KHOA	RC3	22	1	12		68	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐOÀN KIM NGÂN	RC3	21	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐÀO XUÂN THỌ	RC3	87	1	7		70	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC4	6	7	45	369	15+20	7		
2	JS2	4	5	37	315	27	2		
3	RC3	7	6	43	482	15	13		
TOTAL		17	18	125	1.166	57	22		
WEIGHT KG				125	1.166	57			

GRAND TOAL: 1.348 KGS + 20

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:35
FLIGHT: 11	TO: RC5 - TD5 - TD3	CREW: Khang - Linh - DTùng	ETA: 13:15
HONG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CAO THANH HỢP	RC5	98	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
2	VÕ VĂN ĐÔNG	RC5	95-96	2	7		68	KH-THAC	Vietnamese
3	TRÌNH VĂN TIẾN	RC5	19	1	3		82	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN TOÀN	RC5	18	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐINH VĂN LIÊN	RC5	92	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN NAM TRUNG	RC5	94	1	7	55	62	KH-THAC	Vietnamese
7	BELYAEV SERGEY	RC5	93	1	9		85	KH-THAC	Russian
8	NGUYỄN TIẾN QUÝ	RC5	97	1	10		79	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐINH VĂN TÂM	RC5	20	1	12		60	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ VIỆT HUÂN	RC5	91	1	11		67	KH-THAC	Vietnamese
11	HỒ ĐÌNH LỘC	RC5	99,600	2	11		75	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH HAI	TD5	06	1	15		79	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI VĂN ANH	TD5	05	1	12		77	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG ĐỨC HÀ	TD5	02	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ANH TUÂN	TD5	04	1	12	20	67	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ ANH TUÂN	TD5	03	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
17	PANOV	TD5	07	1	7		91	NIFI	Russian
18	SVIATOKHO	TD5	08	1	6		88	NIFI	Russian
19	HA TUAN DUNG	TD3	85-86	2	15		75	XAYLAP	Vietnamese
20	BUI MANH HA	TD3	90-91	2	15		92	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN VAN MANH	TD3	87-88	2	15		61	XAYLAP	Vietnamese
22	LUONG XUAN ĐƯỢC	TD3	89	1	12		76	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC5	11	13	83	769	55	7		CHUYEN 2 PAX TD5 SANG TD3
2	TD5	7	7	71	545	20	9 + 2		
3	TD3	4	7	57	304	0	6		
TOTAL		22	27	211	1.618	75	22		
WEIGHT KG				211	1.618	75			

GRAND TOAL: 1.904 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:40
FLIGHT: 12	TO: RP1 - RP2	CREW: Vận - Mạnh - Huy	ETA: 13:20
NAU-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ BÁ NẾP	RP1	77	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐỖ VĂN THANH	RP1	80-81	2	5		72	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RP1	79	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM BA TÀI	RP1	85	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	TÀNG THANH DÂN	RP1	82	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	TÔ NGUYỄN MINH KHÔI	RP1	78	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐÌNH THAM	RP1	83	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐÌNH VĂN MẠNH	RP1	84	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
9	HOÀNG NGỌC LAN	RP2					78	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ VIỆT TRƯỞNG	RP2	38	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN QUANG VINH	RP2	27	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ HỮU QUÂN	RP2	24	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN TRỌNG MẠNH	RP2	28	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGO THAI HA	RP2	29	1	5		54	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN HỮU ĐỨC	RP2	30	1	12	27	82	T-TIN	Vietnamese
16	TRƯƠNG QUANG TUU	RP2	25-26	2	10		70	T-TIN	Vietnamese
17	LÊ VĂN TÀI	RP2	36	1	5		76	GETRACO	Vietnamese
18	TRẦN VĂN VIỆT A	RP2	39	1	5		70	GETRACO	Vietnamese
19	HỒ VĂN THAO	RP2	35	1	5		70	GETRACO	Vietnamese
20	VŨ HOANG QUÂN	RP2	34	1	5		60	GETRACO	Vietnamese
21	LÊ TUẤN VŨ	RP2	37	1	5		90	GETRACO	Vietnamese
22	LE DUC OANH	RP2					70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	8	9	43	567	0	8		
2	RP2	14	13	72	977	27	14		
TOTAL		22	22	115	1.544	27	22		
WEIGHT KG				115	1.544	27			

GRAND TOAL: 1.686 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

